

TP. Thanh Hóa, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Liên

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Tố Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 419/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, về việc “*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm số 328/2024/QĐPH – ST ngày 09/9/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Phạm Văn C, sinh ngày 13/6/1981

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/12/1982

Cùng địa chỉ: Số nhà C T, phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc H – Chủ tịch phường

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thọ H1 – Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: Phố E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên họp có mặt người yêu cầu là anh Phạm Văn C, chị Nguyễn Thị T, vắng mặt đại diện của UBND phường Q, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án người yêu cầu chị anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện qua thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là phường Q), thành phố T ngày 18/10/1999.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Phạm Văn C, sinh tháng 6/1979 và chị Nguyễn Thị T, sinh tháng 02/1980. Nhưng thực tế giấy khai sinh và căn cước công dân cũng như các giấy tờ khác anh Phạm Văn C sinh ngày 13/6/1981, chị Nguyễn Thị T sinh ngày 12/12/1982. Tại thời điểm kết hôn chị T chưa đủ 17 tuổi và anh C chưa đủ 18 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và đã được UBND phường Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 18/10/1999 cho anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T.

Do tại thời điểm đăng ký kết hôn anh C, chị T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên anh chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân của anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp.

Ý kiến của người đại diện theo Pháp luật của UBND phường Q trình bày:

Ngày 18/10/1999 UBND xã Q, thành phố T (nay là UBND phường Q, thành phố T) nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký kết hôn của anh Phạm Văn T1, sinh tháng 6/1979 và chị Nguyễn Thị T, sinh tháng 02/1980. Sau khi kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn mà các bên cung cấp, xét thấy các bên đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân gia đình nên UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố T) đăng ký và cấp kết hôn cho anh T1 và chị T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 quyển số 01/1999.

Nay anh T1 (C) và chị T cho rằng khi đăng ký kết hôn anh C, chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có đơn đề nghị hủy hôn nhân trái pháp luật. Như vậy đăng ký kết hôn của anh C và chị T có sai sót như tên, năm sinh theo các giấy tờ hiện có dẫn đến có vi phạm pháp luật về độ tuổi khi đăng ký kết hôn. Vì vậy UBND phường Q đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên họp C và chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01/1999 của UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố T) và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị là hợp pháp.

Quan điểm của đại diện VKS về giải quyết việc dân sự:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký giải quyết việc dân sự và người yêu cầu, người liên quan đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung yêu cầu: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T. Về lệ phí: Anh C và chị T không phải nộp tiền lệ phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được kiểm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 18/10/1999 anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T đến UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố T) thực hiện việc đăng ký kết hôn, anh Phạm Văn C có hộ khẩu tại UBND phường Q, chị Nguyễn

Thị T có hộ khẩu tại UBND phường Q, nhưng chưa đủ tuổi theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Do đó anh chị làm đơn yêu cầu hủy việc hôn nhân trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thành phố T thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện theo pháp luật của UBND phường Q, thành phố T có đơn vắng mặt tại phiên họp, nên căn cứ khoản 3 Điều 367 BLTTDS Tòa án giải quyết vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] **Về nội dung yêu cầu:** Anh Phạm Văn C, sinh ngày 13/6/1981 và chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/12/1982 có quan hệ yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân. Ngày 18/10/1999 anh chị đến UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố T) làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do tại thời điểm anh C, chị T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên đã khai anh Phạm Văn T1 sinh tháng 6/1979 (sai với năm thật và tên thật), chị Nguyễn Thị Thu s tháng 02/1980 (sai với năm thật) và đã được UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố T) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01/1999.

Theo Điều 5 của luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định về điều kiện kết hôn, trong đó độ tuổi kết hôn là “ Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Như vậy, tại thời điểm anh C và chị T đi đăng ký kết hôn thì anh C mới 18 tuổi 04 tháng 07 ngày, chị Nguyễn Thị T mới 16 tuổi 01 tháng 24 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn, đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân gia đình năm 1986. Việc kết hôn trái pháp luật là do lỗi của anh C chị T khi đi đăng ký kết hôn đã khai báo tuổi không đúng nên UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố T) mới làm thủ tục và cấp giấy kết hôn sai cho anh chị.

Nay anh C, chị T yêu cầu Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp là có căn cứ theo quy định tại các Điều 369, Điều 370 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 và Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh C và chị T chung sống với nhau hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ việc anh chị đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp cho anh chị, kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điểm a khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] **Về lệ phí giải quyết việc dân sự:** Anh C và chị T không phải nộp tiền lệ phí sơ thẩm theo điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371 BLTTDS. Điều 5, Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điểm a khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/ TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn T1 và chị Nguyễn Thị T theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyền số 01/1999 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố T) cấp ngày 18/10/1999.

Công nhận hôn nhân của anh Phạm Văn C, sinh ngày 13/6/1981 và chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/12/1982 hợp pháp từ ngày 13/6/2001.

Về lệ phí: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị T không phải nộp lệ phí.

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND P. Quảng Phú, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)**

Trần Thị Liên